

PHẬT - GIÁO NGUYÊN - THỦY VIỆT - NAM

LÝ - THUYẾT PHÁP - HÀNH

MINH-SÁT-TUÊ

(VIPASSANA)

do

Đại Đức Thiên - Sư RAJA SIDDHIMUNI
Giám - Đốc Trung - Tâm Thiên - Định
Wat Mahadhatu (Bangkok) giảng



Cư - Sĩ TRƯƠNG-VĂN-HUÂN
thuật lại

Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam

Lý Thuyết Pháp Hành

MINH SÁT TUỆ
(VIPASSANA)

Do Đại Đức Thiền Sư RAJA SIDDHIMUNI

Giám đốc trung tâm thiền định Wat Mahadhatu (Bangkok)
giảng

Cư sĩ Trương Văn Huấn thuật lại

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

Kính thưa quý vị,

Hôm nay tôi thuyết về 16 cái tuệ của thiền Minh Sát Tuệ (Vipassana). Nói rằng tôi thuyết thì không đúng lắm, bởi vì không phải tôi đặt bài để mà thuyết. Chẳng qua là tôi lặp lại những bài thuyết trình của các đại đức thiền sư đã thuyết rồi từ trước. Đầu tiên thiền sư tổ là đại đức Mahasi Sayadaw (Miến Điện) truyền cho môn đệ Ngài là đại đức Asābhā (Miến Điện). Đại đức Asābhā truyền lại cho môn đệ Ngài là đại đức Raja Siddhimuni (Thái Lan). Tôi được nghe lý thuyết về thiền Vipassana lần đầu tiên tại chùa Parinayot (Bangkok), do đại đức thiền sư Raja Siddhimuni là giám đốc các thiền đường ở Vọng Các và vùng lân cận. Môn đệ Ngài là các thiền sư về Minh sát tuệ ở rải rác trong các thiền đường toàn cõi nước Thái Lan.

1. Đại đức thiền sư nhắc rằng 15 năm về trước thuyết trình về 16 cái tuệ của thiền minh sát chỉ dành riêng cho các hành giả đã hành xong 16 pháp thiền Vipassana. Song lần lần, vì số hành giả ngày càng đông, phương pháp thô bãng, ghi âm càng phát triển, quý vị thiền sư cho phép số đông hành giả được phép dự thính và ghi âm các bài thuyết trình về Minh sát tuệ.

Tại sao lúc ban sơ, quý đại đức thiền sư hạn chế số thính giả? Tại vì quý Ngài lo xa, sợ rằng những người hành chưa xong, hoặc những người chưa hành, muốn hành, sẽ móng vọng. Khi móng vọng thì khó tiến tới được, mất thì giờ mà hành không kết quả. Có khi vì

tâm móng vọng mà các hiện tượng giả phát sanh. Hành giả vì đã có nghe pháp rồi, tưởng mình đã đắc đạo quả. Sự thật hành giả chưa đắc gì cả, họ đã nhận được đồ giả, mà lầm tưởng là thật.

Vì một năm thuyết có một lần về Minh sát tuệ, cho nên Đại đức thiên sư mở rộng giảng đường cho tất cả mọi người. Các Ngài khuyên hành giả không nên móng, vì móng là tham và được đồ giả. Đại đức thiên sư Asābhā còn cho biết Ngài cũng có phương pháp để thử coi hành giả đắc đạo thiệt hay giả.

2. Đại đức thiên sư nhắc cho thánh giả biết là khi thuyết về thiên Minh sát, Ngài như người đem cái kính, cái gương để trước mặt cho hành giả tự soi vào. Cái gương, cái kính là “Pháp bảo Vipassana”. Hành giả khi soi vào, tự biết mình đã hành xong tuệ nào, tuệ nào chưa tới, ráng hành cho tiến tới. Thiên sư không có quyền phán đoán ông hay bà nào đã đắc đạo quả gì. Thuở xưa khi Đức Phật còn tại thế, chỉ có Đức Phật mới phán đoán ông này đắc Tu-đà-hườn, Ta-đà-hàm, hay ông kia đắc A-na-hàm, A-la-hán. Từ khi Đức Phật nhập Niết bàn, không còn ai có quyền phán đoán, dù là thánh văn đệ tử Phật, Phật Độc Giác hay các vị A-la-hán, cũng không ai phán đoán. Đại đức thiên sư nhắc câu kệ ngôn “Paccattam veditabbo viññuhi” là pháp mà các vị thiện trí thức được biết, được thấy tự nơi tâm.
3. Như thế là hành giả, khi nghe xong pháp, tự mình biết đã hành xong đến tuệ nào và đã đắc đạo, quả gì, đại đức thiên sư không hề xác định.
4. Sau đây tôi xin lần lượt giải thích 16 cái tuệ của thiên minh sát (Vipassana).

Tuệ Thứ I- Nāmarūpa paricchedanāna – Tuệ phân tách Danh Sắc. Khi hành giả ngồi niệm “Phòng à, xọp à”, hoặc khi hành giả đi kinh hành niệm “mặt bước à, trái bước à” thì phải

phân biệt Danh và Sắc. Trước hết hành giả hiểu rằng thân ta có 2 phần: vật chất và tinh thần. Vật chất là phần sắc, tinh thần là phần danh hay tâm. Mắt, mũi, tai, mắt là sắc, tâm hiểu biết là danh.

Khi nào hành giả niệm “mặt bước à”, bàn chân bước là sắc, sự biết chân đang bước là danh. Khi niệm “phòng à”, bụng phòng là sắc, biết bụng đang phòng là danh.

Mỗi chúng sanh có 2 phần Danh và Sắc, ngoài ra không có cái chi khác, nghĩa là **không có cái ta**.

Hành giả phải tập phân biệt Sắc trước, rồi phân biệt Danh sau. Như mắt thấy sắc màu trắng, màu đỏ cũng là sắc. Lỗ tai nghe tiếng, lỗ tai là sắc, tiếng cũng là sắc. Lỗ mũi ngửi mùi, lỗ mũi là sắc, mùi cũng là sắc. Sự thấy biết, sự nghe biết, sự biết mùi là danh.

Khi phúc trình thiền sư thường hỏi hành giả phòng và xọp là 2 cái hay là 1 cái? Khi ngồi niệm mà nghe, hay thấy cái gì có niệm không? Khi thọ khổ như tê, nhức, mõi có niệm không? Bởi ít trí nhớ hành giả thường quên niệm. Thiền sư dặn cần phải có trí nhớ luôn luôn. Ba điểm mà đại đức thiền sư hằng nhắc nhở hành giả là trí nhớ, biết mình và tin tấn.

Thiền sư nhắc hành giả lúc ngồi tưởng tượng thân mình như cái ống, bên trong rỗng không, lớp ngoài là sắc, lớp trong là danh, **không có cái ta**.

Muốn cho dễ hiểu, thiền sư cho nhiều thí dụ:

- 1) Thí dụ cái kính, cái gương có bụi đóng lu mờ, ta lau chùi sạch sẽ, nhìn vào thấy hình ảnh rõ rệt. Cái gương là sắc, bụi đóng là phiền não, niệm là lau cho sạch bụi, hình ảnh rõ rệt bên trong là Danh. Vậy thì hành giả thấy Danh trong cái Sắc.

- 2) Thí dụ chiếc xe hơi. Toàn thể cái xe là sắc, máy móc, nệm, đèn đều là Sắc. Người tài xế là Danh. Danh điều khiển Sắc như tài xế điều khiển xe hơi. Danh là tâm, điều khiển, sai khiến cái thân là sắc. Khi muốn ăn, muốn ăn là danh. Ta ăn, răng nhai là sắc. Đó là danh điều khiển sắc. Ta muốn đi chùa, muốn đi là danh, hai chân bước đi là sắc, vậy danh sai khiến sắc.

Khi mà hành giả nói: “Ta thấy hoa đẹp”. Thêm cái ta vào thì là rắc rối, vì phiền não phát sanh. Phải chỉ thấy hoa đẹp niệm “thấy à” thì xong, còn thêm cái **Ta** vào, thì hành giả chấp cái ta, phát sanh cái thủ (Upadana) liền phát sanh ái dục (Tanhā) toàn là phiền não (Kilesa). Chấp cái ta là ngã chấp, là thân kiến (Sakkayaditthi), pháp ấy dẫn đến chúng sanh đi vào 4 đường ác đạo (Ngạ quỷ, Atula, Súc sanh, Địa ngục).

Có trí nhớ (Sati) để niệm. Niệm nhiều, trí tuệ phát sanh, hành giả phân tách danh-sắc dễ dàng.

Tuệ thứ II – Paccayapariggalanāna – Tuệ phân tách nhân quả.

Nhân là hạt giống, quả là trái. Nguyên do là hạt giống được gieo, mọc cây cho trái sau này, cái gì sanh ra trước là nhân, cái gì sanh ra sau là quả.

Khi niệm “phồng à, xẹp à”, bụng phồng lên là nhân, bụng xẹp xuống là quả. Bụng phồng lên nhà nhân, tâm biết bụng phồng là quả. Ở đây sắc là thân, danh là quả. Có khi ngược lại, danh là nhân, sắc là quả. Thí dụ: Hành giả muốn đi, tâm muốn là nhân, chân đi là quả. Tâm muốn là danh, chân đi là sắc, ấy vậy danh là nhân và sắc là quả.

Lúc ngồi, chúng ta nghe tiếng động, chúng ta niệm “nghe à” hoặc khi mắt nhắm mà thấy cảnh, chúng ta niệm “thấy à”. Tiếng nghe là nhân, niệm “nghe à” là quả. Cảnh phát sanh là nhân, tâm thấy là quả. Những ấn chứng phát sanh là nhân, tâm biết rồi niệm là quả. Hành giả nên để ý: niệm tứ niệm xứ là nhân, trí tuệ phát sanh là quả.

Thiền sư khuyên hành giả không nên tìm kiếm cảnh trần để nghe, để thấy. Tự nhiên để cho hiện tượng phát sanh, rồi niệm. Có lúc niệm “phòng à, xọp à” rồi nó mất. Hành giả có trí nhớ, biết mất, phải niệm “mất à”. Nếu phòng xọp không trở lại, niệm “biết à” thì phòng xọp trở lại như cũ.

Có hành giả khi phòng, xọp mất, tìm kiếm, lấy tay rờ bụng, coi còn hơi thở không. Thiền sư khuyên nên chú tâm ở bụng và nhớ rằng niệm là nhân, biết là quả.

Trong kinh Thanh tịnh đạo (Visuddhi maga) đại đức Buddhagosa cariya có giải: “Tuệ thứ nhì gọi là Culasotapoñña (Tiểu Tu-đà-hườn) vì hành giả khi thấy rõ nhân, quả bớt hoài nghi, nhẹ lo trong thân tâm, được sự nương nhờ trong Phật giáo và có con đường vững chắc để đi đến đạo quả.

Tóm lại là thân chúng sanh gồm có Danh-Sắc, và Danh-Sắc đó cũng là nhân quả, **không có cái ta**, do đó hành giả không còn hoài nghi. Để cho dễ hiểu, đại đức thiền sư kể cho nghe một thí dụ. Có người nhà quê ở trong đồng thường thấy trâu, bò, dê đều có sừng. Nghe nói con thỏ, thì tưởng tượng thỏ cũng có sừng như những thú vật mà anh ta thường thấy hằng ngày. Khi một người bạn đi ra thành, mua một con thỏ mang về, anh nhà quê mới nhận ra rằng thỏ nhỏ hơn trâu, bò và không có sừng. Chừng đó anh nhà quê mới hết hoài nghi.

Tuệ Thứ III – Sammasananāna – Tuệ suy xét thấy Danh Sắc là vô thường, khổ não, vô ngã. Đây là do sự suy xét mà thấy, chớ không phải thấy bằng trí tuệ.

Có 4 loại suy xét:

- 1) Suy xét từ bộ phận của thân, thấy không có gì tốt đẹp. Thí dụ suy xét tay, chân, thấy có da, có lông, bên trong là bắp thịt, gân, máu, xương, chất dơ bẩn. Lúc thì nổi mụn sần sùi, khi thì da nhăn, ngứa ngáy. Hành giả nhận thấy sự vô thường của thân.
- 2) Suy xét từ lúc còn bé thơ đến lúc già, có nhiều sự thay đổi. Mới hồi nào còn ham ăn, ham chơi, ham đánh lộn, lớn lên ham coi hát, ham hoạt động, bây giờ già, như mặt trời về chiều, tóc điểm sương, răng rụng, mắt lờ. Đời là vô thường.
- 3) Suy xét thấy sự nối tiếp (Santati) của Danh Sắc. Tóc mới hớt, râu mới cạo, nay đã ra dài; móng tay, móng chân mới cắt, tiếp tục mọc ra, đó là sự nối tiếp của cơ thể. Cảm giác cũng có sự nối tiếp, hết buồn đến vui, hết đau đến mạnh, hết an vui đến lo sợ. Chúng sanh sống trong sự vô thường.
- 4) Suy xét hơi thở hay sự hô hấp. Khi hành giả niệm “phồng à” thấy bụng phồng lên lên, đến một bực nào, phồng không đặng nữa, là khổ, tức nhiên phải xẹp, niệm “xẹp à”. Xẹp đến một bực nào, chịu không đặng, là khổ, phải phồng lại, v.v...Có lúc hành giả niệm thấy phồng, xẹp rất nhanh, có lúc phồng, xẹp rất chậm, có lúc phồng, xẹp mất, đó là sự vô thường của hơi thở. Hành giả nhận thấy tự mình không điều khiển hơi thở được, đó là vô ngã.

Do 4 điều suy xét trên, hành giả nhận biết một cách thô sơ về tam tướng là vô thường, khổ não, vô ngã.

Khi hành giả bắt đầu niệm qua Tuệ thứ III, đại đức thiên sư thường dặn phải khởi tâm bằng niệm “muốn à”. Như “muốn đi à, muốn nằm à, muốn uống nước à, muốn ăn à, muốn ngồi à” v.v...

Nếu Tuệ thứ III mạnh, thì có **10 vi tế phiền não** phát sanh (Vipassanupakilesa) nó làm cho thiền Minh sát ô nhiễm hay lu mờ. Hành giả không biết đó là phiền não, ôm ấp hoài, cho là vật quý báu, dính ở đó, không tiến tới được. Mỗi pháp nếu tách riêng ra là thiện pháp, song bởi hành giả do tâm ái dục, ngã mạn, tà kiến, cho mình đã đắc đạo quả, không tiến tới và bị kẹt ở Tuệ thứ III.

Sau đây là 10 vi tế phiền não:

1. Obha – Ánh sáng – Tùy người, ánh sáng phát sanh lúc ngồi tham thiền, hoặc lúc đi kinh hành. Ánh sáng có thể yếu ớt như đom đóm, rõ hơn như bóng đèn pin. Có khi sáng lòa như đèn pha xe hơi, xẹt qua xẹt lại. Đại đức thiên sư Raja Siddhimuni thuật chuyện lúc Ngài mới hành Minh sát tuệ tại thiền đường chùa Mahadhatu thấy ánh sáng lần đầu tiên, Ngài tưởng mình đã đắc quả Tu-đà-hườn. Vì Ngài đã học xong pháp học (Abhidhamma), trong đó nói rằng ánh sáng cũng là một trong những triệu chứng đắc đạo quả. Một lúc sau, Ngài thấy ánh sáng lại xẹt qua xẹt lại, Ngài mừng quá, nghĩ mình đắc quả Tu-đà-hàm rồi. Kế đó, Ngài đau bụng, đứng dậy về cốc kiếm thuốc uống. Khi ra tới cửa, có người gác cửa hỏi: “Ngài đi đâu? – Tôi đau bụng quá, định về cốc lấy thuốc uống. – Không được, Ngài phải trở vô, ngồi lại niệm “Đau bụng à, đau bụng à” thì hết đau bụng. Đại đức trở lại ngồi, niệm ít tiếng “đau bụng à” thì hết đau bụng. Ngài tự xét, mình chưa đắc đạo, đây chẳng qua là Ma vương nó quấy phá. Người gác cửa mà còn biết hơn mình. Vì vậy, đại đức dạy hành giả khi thấy ánh sáng, phải niệm “thấy à” thì ánh sáng mất.

Đại đức Raja Siddhimuni nhắc thêm một tích nữa. Thở xưa, có một vị thiên sư chưa đắc đạo quả, mà tự cho mình

đã đắc quả A-la-hán, Ngài dạy nhiều đệ tử, cũng có người đắc đạo quả. Ngài biết thần thông, biến hóa các thú như voi, cọp, sư tử. Trong số đệ tử Ngài, có một Sadi đã đắc quả rồi. Ngày nọ, Sadi đến thăm thầy và bạch thầy: “Xin đại đức biến một con voi cho tôi coi” – “Được, Sadi sẽ coi đây”. Rồi đại đức thiên sư liền hóa phép một con voi to tướng cho Sadi xem – “Ngài bảo con đút vòi vào mồm” – “Được, xem đây voi đút vòi vào mồm” – “Ngài cho con voi rống coi” – “Được, xem đây voi rống to lên” – “Ngài cho con voi chạy coi chơi?”. Lúc ấy đại đức thiên sư sợ voi chạy đập bể đồ hết đồ trong chùa, Ngài định chặn voi lại, Sadi kéo y Ngài lại và nói: “Một vị A-la-hán không còn sợ voi đập bể đồ”. Đại đức sực tỉnh lại, biết mình chưa đắc đạo quả gì. Sadi chỉ cho thầy mình hành lại cho đến khi đắc đạo quả thật.

2. Piti – Phỉ lạc – Có năm loại phỉ lạc:

- a) Neopiti – Phỉ lạc chút ít như ròn ốc, ròn mình, mát mẻ, xay xâm chút ít, thấy trong mình như nặng nặng, chảy nước mắt.
- b) Khamikapiti – Phỉ lạc chốc lát. Hành giả thấy màu đỏ, ánh bình minh, thấy như rát rát ở thân, như ruồi hay kiến bu nhột nhột, như kiến bò ở mặt, ở tay, ở lưng. Hành giả rờ, phui, không thấy có gì hết. Khi nghe tim run run như mất ngủ, có khi thấy như cây cắm dưới nước, bị nước chảy làm run run vậy.
- c) Okkantikapiti – Phỉ lạc trong một cơn hay hải triều hi. Hành giả thấy như sóng tấp vào mình, thân mình lúc lắc, nghiêng qua nghiêng lại, hắt tay, hắt chân, có khi muốn ói, hoặc ói thật.
- d) Ubengapiti – Hân hoan phỉ lạc. Thân hành giả nhẹ nhàng, cao lên, đung trần nhà. Có khi thân hồng lên khỏi chỗ ngồi một gang. Đại đức Raja Siddhimuni nhắc tích một Sadi 19 tuổi, gọi là Sadi bay, cách

đây ít năm, tại chùa Mahadhatu, có một Sadi lúc đi kinh hành, phi lạc Ubengapiti phát sanh nhằm lúc Sadi nhớ mẹ, muốn về thăm nhà mẹ ở ngoại ô Vọng Các, Sadi liền bay thẳng về nhà lúc đêm khuya. Các anh ra mở cửa hỏi: “Sao em về khuya vậy? – “Nhớ mẹ quá em bay về”. Khi trở lại chùa, Sadi phải đi bộ, vì không bay được nữa.

Phi lạc này phát sanh làm hành giả gục tới, gục lui, hoặc xoay qua, xoay lại, khi thì há miệng nhóp nhép như lằm thằm chửi ai.

- e) Pharamapiti – Phi lạc tràn ngập. Hành giả thấy mát cả châu thân, có khi ngứa cả châu thân, gãi rồi ngứa nữa, có khi mát lạnh như ngồi trên nước đá. Có khi thấy màu đẹp như ngọc bích, như màu đọt chuối.

Đây là hết 5 loại phi lạc. Hành giả có 1 hay 2 loại nào cũng tốt, không cần phải có đủ 5 loại. Điều cần nhất là khi phi lạc phát sanh, hành giả nhớ niệm “rợn óc à”, “rần rần à”, “ngứa à, nhẹ hồng à, mát mẻ à, xoay à” v.v...Nếu không niệm, hành giả sẽ dính mắc ở đó, không tiến được. Phải niệm cho mất phi lạc.

Sau đây là vi tế thiền nào thứ 3.

3. Sukha – Sự an vui – Đây là sự an vui của chư Thiên. Vì là sự an vui chưa từng thấy, hành giả tưởng là Niết bàn, nên dính mắc ở đó. Đại đức Raja Siddhimuni nhắc chuyện một hành giả người Hoa kỳ, gốc California, hành thiền Minh sát tại chùa Mahadhatu, khi được Sukha phát sanh, tìm đến vị thiền sư bạch rằng: “Bạch Ngài, trên 30 năm nay, tôi mới có được an vui như ngày hôm nay khi tôi ngồi thiền, xin Ngài cho tôi xuất gia”. Đại đức thiền sư khuyên hành giả nên tiếp tục hành cho xong. Hiện nay người Mỹ này đã xuất gia và còn tu học tại chùa Mahadhatu (Vọng Các).

4. Passaddhi – Tĩnh – Lúc niệm hành giả thấy từ từ nhẹ, ít, ít, rồi mất, như mê vậy. Hành giả tưởng mình đã đắc đạo quả. Hành giả tưởng mê là tịnh, là Niết bàn.

Tĩnh là thiện pháp, song bởi hành giả tham dục, ngã mạn, tà kiến, chấp dính, không tiến tới, cho nên gọi là vi tế phiền não.

5. Saddha – Đức tin – Lúc hành giả đang hành tuệ III, đức tin phát sanh mạnh mẽ. Hành giả suy tính liên miên, phát tâm muốn làm phước, muốn đền ơn thầy tổ, muốn trả ơn cho bạn bè đã dìu dắt, chỉ bảo, khuyến khích các người chưa biết thiền Minh sát, nên hành thiền Minh sát. Đức tin là thiện pháp, nhưng hành giả vì tính toán về vị lai, vì để tâm suy nghĩ về quá khứ mà quên hiện tại, không hành cho đến nơi đến chốn. Vì đó mà đức tin biến thành vi tế phiền não.
6. Paggāha – Tin tấn – Pháp tin tấn phát sanh, hành giả hành hoài, không biết mỏi mệt, không nghỉ ngơi. Hết đi rồi ngồi, rồi đi. Ban đêm cũng ít ngủ. Vì tin tấn quá mức, hành giả thiếu trí nhớ, có hại cho sức khỏe. Đây cũng vi tế phiền não.
7. Upatthana – Trí nhớ - Khi trí nhớ phát sanh, hành giả tự thấy mình sáng láng, hiểu biết nhiều. Thường thường hành giả nhớ tới những chuyện viển vong ở quá khứ rất rõ ràng, bỏ qua hiện tại, không hành cho tiến hóa. Đó cũng là vi tế phiền não.
8. Pañña – Tuệ - Khi tuệ phát sanh mạnh, nếu hành giả là người biết pháp học, hay bình luận, đem pháp học ra bình phẩm. Tuệ biết chúng sanh là Danh Sắc, không có Nhơn, ngã, bỉ thử, thú, người, trời. Nhớ lời Đức Phật dạy: “Này Mokkharāja, người nên biết rằng thân thể này là vật rỗng không, là vô ngã. Như vậy, từ thân theo không kịp”. Hành giả nghĩ sau này sẽ thuyết pháp giỏi,

nghĩ chuyện vị lai, bình phẩm cái hiện tại, quên lo hành. Như thế cũng gọi là vi tế phiền não.

9. Upekkha – Xả – Khi pháp này phát sanh, hành giả tự thấy mình có tâm bình thản, không buồn, không vui. Ai làm gì cũng dửng dưng, không thỏa thích cũng không giận hờn. Có người nghĩ rằng mình đã đắc đạo quả vì không còn phiền não khuấy động. Nghĩ như vậy là sai, vì hành giả chưa đắc gì cả.
10. Nikanti – Vọng – Hành giả có tâm mong muốn thấy lại các ấn chứng mà mình đã thấy rồi như ánh sáng, rừng, núi, sông, rạch, nhà, cửa, dinh thự. Muốn thấy lại các hình ảnh hoặc đẹp như đàn bà, cô gái hoặc xấu xí như ngựa quí, a-tu-la hoặc thú vật. Những người có tánh sân thường thấy thú dữ hoặc những cảnh đáng ghê sợ. Người có tánh tham thường thấy cảnh đẹp đẽ. Người có tánh si thường thấy những cảnh lu mờ không rõ rệt.

Trong 10 vi tế phiền não vừa kể trên, hành giả ít khi có đủ hết 10 phiền não, mà có một số ít thôi, thí dụ có phi lạc, ánh sáng hoặc pháp an vui.

Đại đức thiên sư giải thích rằng 10 pháp vi tế phiền não này đều có trong 37 pháp chứng quả bồ đề. Song đến tuệ III hành giả thường mắc dính ở đây, do tâm tham dục, ngã mạn và tà kiến; 3 pháp vừa kể hợp với mỗi pháp vi tế phiền não kể trên, thành ra đến $3 \times 10 = 30$ pháp vi tế phiền não.

Tuệ thứ III là ranh phận của thiên chỉ quán (Samatha) và thiên Minh sát (Vipassana). 95% hành giả đều bị kẹt ở đây vì tưởng mình đã hành xong, vì đã đắc đạo quả rồi. Vì tưởng sai nên không tiến tới kết quả thật sự.

Tuệ Thứ IV. – Udayabbayañāna – Tuệ thấy sự sanh diệt của Danh Sắc.

Tuệ thứ IV là tuệ khởi đầu về thiền Minh sát chánh thức. Ba tuệ trước còn đi chung với thiền chỉ quán (Samatha). Tuệ thứ IV có 2 điểm đặc biệt:

- 1- Hành giả ngồi niệm phòng xọp, thấy nhiều cảnh vật, ánh sáng, sông núi, chùa, tháp, có khi thấy tiên, Phật. Nếu hành giả niệm “thấy à” mà các hiện tượng mất liền, hành giả đã qua tuệ thứ IV. Đó là pháp sanh diệt của Danh Sắc. Các ấn chứng phát sanh lên cho hành giả thấy là Sắc, hành giả thấy biết là Danh. Khi niệm “thấy à” mà ấn chứng mất là diệt. Đó là sự sanh diệt của Danh Sắc. Tại sao phải niệm cho mất? Là vì tất cả những cảnh tượng hiện ra là do tâm cấu tạo, là cảnh giả, chúng sanh muốn giải thoát phải diệt tất cả cái giả tạo. Đại đức thiền sư lập lại Phật ngôn:

“Người thấy pháp sanh diệt của Danh Sắc dù là có sanh mạng chỉ trong một ngày, cũng quý báu hơn kẻ không thấy pháp sanh diệt của Danh Sắc sống đến trăm tuổi”.

Người hành thiền chỉ quán (Samatha) không thấy pháp sanh diệt của Danh Sắc.

- 2- Về khổ thọ. Hành giả ngồi hoặc đi thấy nhức, mỏi nhiều, tê nhiều. Song khi niệm, thì các thọ khổ mất mau lẹ. Như niệm “tê à” hết tê, niệm “nhức à” hết nhức. Đó là điểm đặc biệt của tuệ thứ IV.

Có khi hành giả như ngủ gục, có lúc lại ngã ngửa ra phía sau. Có khi thấy như nghẹt nghẹt. Hoặc giả niệm thấy phòng xọp nhanh lên rồi diệt mất.

Nếu hành giả có tuệ thứ IV phát sanh rõ rệt và mạnh mẽ thì hành giả có hy vọng đi đến bậc cao. Còn nếu yếu, tuệ thứ IV yếu, thì phải cần hành lại cho có pháp sanh diệt rõ rệt, sau này mới có kết quả.

Tuệ Thứ V. – Bhangañāna – Tuệ Diệt – Hành đến đây hành giả thấy thân thể nhẹ nhàng, niệm “phồng à, xẹp à” không thấy rõ rệt rồi mất. Khi niệm thấy phồng lên lâu rồi mới xẹp, rồi xẹp lâu lâu rồi mới phồng lại. Có khi phồng với xẹp cách nhau xa lắm. Có người thấy trần trần, hoặc như xay xấp, hoặc cảm thấy như cơ thể mất hết, chỉ còn có tâm thôi. Có người thấy như mất một tay, hoặc như mất một chân. Hoặc thân nhẹ như bông gòn. Có khi 2 tay để chồng lên mà không biết. Đây là pháp diệt. Đến tuệ thứ V này, hành giả đã bỏ chế định (Paññatti) và nhận thức bản thể (Paramatthi). Tuệ I,II,III còn là chế định. Qua tuệ IV,V là bản thể. Vì hành giả không có pháp học (Abhidhamma) nên khó nhận rõ hai pháp sau này. Nói cho dễ hiểu chế định là giả tạo. Bản thể là chơn thật. Tuệ thứ V phát sanh không lâu, nếu hành giả không để ý thì khó thấy rõ, vì tuệ phát sanh lối 5 phút rồi diệt.

Tuệ Thứ VI.- Bhayañāna – Tuệ Sợ - Tuệ này cũng như tuệ thứ V, phát sanh không lâu rồi diệt.

Hành giả ngồi niệm “phồng à, xẹp à” rồi phát sanh sợ. Không phải sợ ma quỷ, không phải sợ trộm cướp hoặc kẻ thù. Không biết sợ cái gì mà tâm phập phồng lo sợ, rồi có khi khóc một mình. Có người thấy ớn ớn, hành giả sợ như thấy người leo lên cây cao hoặc thấy người đứng cạnh hố sâu, nếu té xuống chắc chết. Hoặc sợ như thấy người đứng kề đồng lửa than cháy đỏ, nếu té vào lửa chắc chết. Hành giả sợ cho mình hoặc sợ cho người khác. Đó là tuệ thứ VI, phát sanh không lâu rồi mất. Nếu hành giả không để ý, không nhận biết.

Tuệ Thứ VII. – Adinavañāna – Tuệ thấy tội của ngũ uẩn. Ngũ uẩn là gì? Là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc là thân sắc, còn thọ, tưởng, hành, thức là tâm hay danh. Ấy vậy ngũ uẩn hay Danh Sắc cũng đồng một nghĩa.

Hành giả khi ngồi niệ thấy phòng xọp mắt, có khi quên niệ “mắt à” rồi “biết à”. Hỏi biết cái gì? Biết thân ngũ uẩn này là tứ đại: đất, nước, lửa, gió. Phòng xọp mắt là Danh Sắc mắt, mà Danh Sắc là ngũ uẩn, hành giả sợ thân này mắt. Các thọ khổ xuất hiện lại như nhức, mỏi, tê, mệt. Có lúc hành giả thấy lông nheo đâm vào mắt, nhức mỏi khó chịu, lở tai lưng bùng, hoặc đau bụng hoặc ngứa ngứa cùng thân thể. Hành giả suy nghĩ: “Tại ta có thân ngũ uẩn này nên ta phải chịu các bệnh tật, khổ não”. Trí tuệ phát sanh, hành giả chán nản.

Theo trong kinh nói có cả thầy 59 hay 96 thứ bệnh có thể phát sanh khi hành giả đến tuệ thứ VII này. Các bệnh cũ có thể tái phát. Thí dụ: có một số hành giả có bệnh lên máu, lúc ấy bệnh lên máu phát sanh lại, lấy máy đo thấy máu lên cao. Hành giả niệ “lên máu à”, lên máu à” ít lâu thấy máu xuống. Có khi bệnh hết luôn. Nếu bệnh trở lại, hành giả cũng niệ như cũ, bệnh dứt.

Hành giả suy xét thì tại có thân ngũ uẩn này, có Danh Sắc này nên phải thọ khổ, thọ bệnh hoạn. Suy xét như vậy, hành giả thấy tội của ngũ uẩn, nên có tâm chán nản không muốn có thân này nữa.

Tuệ Thứ VIII. – Nibbidañāna – Tuệ chán nản – Hành giả niệ “phòng à, xọp à” thấy Danh Sắc mắt, có diệt, gục. Lúc này tâm tánh hành giả như khô khan, như cây cỏ ở giữa trời nắng, như cảnh vật đồng ruộng lối tháng 2, tháng 3, sau mùa gặt, trời nắng, đất nẻ, cây cỏ đều khô. Hành giả có tánh gắt gỏng, ưa ở một mình nơi thanh tịnh, ai nói động một chút cũng không chịu. Thí dụ: chồng hành thiền, vợ đem cơm trễ một chút là giận, cần nhắc vợ không quan tâm chú ý. Hành giả có tâm tánh thay đổi, ai nói phải cũng cho là quấy cả. Không muốn tiếp bè bạn. Tiếng động trước kia không sao, bây giờ tiếng động làm cho điếc tai, chán nản.

Trước kia hành giả muốn quyền thế, công danh, tiền của cho nhiều, bây giờ cho điều đó là phù du. Trước kia muốn sanh về cõi trời, nếu làm Phạm thiên, nay thất trời, người, Phạm thiên cũng đều là Danh Sắc. Chỉ có Niết bàn là diệt được tất cả. Tâm hành giả hướng về Niết bàn.

Ba tuệ vừa kể trên, tuệ thứ VI, thứ VII và thứ VIII. Tuy khác danh từ, nhưng cũng đồng có một nghĩa. Ba tuệ này đều có đủ trong Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi magga). Tuệ còn yếu là tuệ sợ, tuệ bậc trung là tuệ thấy tội của ngũ uẩn. Tuệ bậc cao là tuệ chán nản.

Cả ba tuệ đều tựa tựa nhau. Hành giả có khi không nói rõ rệt hết được.

Tuệ thứ IX. – Mūcītukamyatanāna – Tuệ muốn giải thoát. Do sự chán nản vừa qua, hành giả không còn muốn có thân này, hoặc muốn bỏ cốc, bỏ chùa, tìm một nơi nào thanh tịnh hơn, được khỏe khoắn hơn. Khi hành giả niệm “phòng à, xộp à, ngòi à, đưng à” thì như có con rệp, con mạt làm cho thân mình ngứa ngáy khó chịu, gãi không biết đã. Ngòi thì thấy ngứa, xả thì hết ngứa. Có người tưởng có rệp, có rận gì đây, đem mèn, chiếu ra giũ, nhưng không thấy gì cả. Chẳng qua đây là sự biểu lộ của bản thể (Paramattha). Có khi hành giả thấy như ai đem mũi sắc nhọn đâm vào thân mình. Có người nói nghe ngực nóng lên, người khác nói: “miệng ngáp lên ngáp xuống hoài hoặc đầu lắc lư như quay”. Có người ngòi khóc mướt một mình mà không biết khóc chuyện gì.

Có hành giả suy tư muốn bỏ chùa về nhà, có người muốn đi thiệt nói rằng: “Mình hết phước rồi, hành đến đây chán quá, không tiến tới được nữa”.

Đại đức thiền sư Raja Siddhimuni thuật tích một hành giả, người Anh, hành ở chùa Mahadhatu, cách đây ít năm về

trước. Khi hành giả đến tuệ thứ IX này, ông chán nản, tính vô chùa trốn về Anh-Cát-Lợi. Thừa dịp đại đức thiền sư vắng mặt (Ngài đi dự lễ dâng y ở ngoại ô Vọng-Các). Hành giả người Anh này, cuốn hết đồ đạc vô va-li, dặn người gác chùa: “Tôi về khách sạn, chờ máy bay chở về Luân-Đôn, anh bạch lại giùm với Ngài thiền sư”. Khi đại đức thiền sư về đến chùa chiều tối, mới hay tự sự. Ngài kêu điện thoại lại khách sạn hỏi hành giả: “Sao ông trở về khách sạn?” “Tôi chán nản quá rồi, có lẽ tôi hết phước rồi, hành không tiến tới” “Ông hành đến tuệ thứ IX là tuệ cuốn chiếu, tốt lắm, ông nên trở lại”. Hành giả mừng quá, cười ngất, hứa xách va-li trở lại chùa Mahadhatu. Hiện nay hành giả này đã xuất gia và còn tu học tại chùa Mahadhatu.

Riêng về phần tôi (Trương Văn Huân) khi hành đến đây cũng chán nản, không phải muốn trốn, vì không nói được một tiếng Thái, trốn đi đâu, rồi ở đâu? Lúc ấy tôi hành lại chùa Parinayok (Vọng-Các) nhờ có ba nhà sư Việt Nam dịch dùm các phúc trình. Đại đức thiền sư chùa Parinayok không khi nào cho hành giả biết đã hành đến bậc nào, tuệ thứ mấy. Vì chán nản, buồn quá, tôi mời ba vị sư Việt Nam là đại đức Kim Quang, Sư Giác Tuệ và Sư Hộ Giới cùng hợp lại cốc tôi tại chùa Parinayok. Tôi trình cho quý Ngài hay rằng tôi không muốn hành nữa vì chán quá, hết phước rồi, hành không tiến tới. Tôi muốn kiếm một ông thiền sư khác, ở chùa khác, có lẽ Ngài thiền sư ở đây (đại đức Sang Wan) giấu nghề như các thầy võ bên ta. Sư Hộ Giới liền cản tôi “Ông đừng nói vậy, phạm à! Quý Ngài thiền sư không giấu nghề như các ông thầy dạy võ đâu”. Câu chuyện bàn tán chưa xong, lúc ấy có Ngài phó thiền sư là đại đức Som Bat đi ngang qua cốc tôi, thấy có đông người, Ngài bước vào, chúng tôi đánh lễ Ngài và luôn dịp tôi xin Ngài đại đức Som Bat hỏi qua các hành của tôi, rồi Ngài nói: “Ông đã đến tuệ thứ IX là tuệ cuốn chiếu. Chẳng riêng gì cư sĩ, thường năm ở thiền đường này, các vị Tỳ khuru

Thái Lan khi hành đến tuệ thứ IX, các Ngài cũng muốn trốn, trở về chùa của mình. Nếu thiền sư hay đặng kêu lại giải thích thì họ ở lại, bằng không có Ngài họ cũng đi luôn”.

Đại đức Raja Siddhimuni còn thuật lúc Ngài đi truyền bá Phật pháp tại Luân đôn. Ngài có mở một lớp dạy thiền Minh sát tuệ. Trong số hành giả có 4 ông trưởng giả hành đến tuệ thứ IX, cũng chán nản, bỏ tịnh xá trốn về nhà. Vì trước khi đi 4 ông có đãi tiệc giã từ các bạn cùng hành thiền một lớp. Khi hay được 4 ông bỏ đi, đại đức thiền sư cho mời trở lại, giải thích, song 4 ông không trở lại, vì đã lỡ từ giã anh em rồi. Đại đức mới phái một vị phó thiền sư đến chỉ bảo cho 4 ông trưởng giả ấy. Khi hành xong, 4 ông rất thích thú, hiến dâng cho Ngài thiền sư một biệt thự ở ngoại ô Luân đôn, để làm trung tâm thiền đường dạy Minh sát tuệ, hiện nay còn hoạt động ở Anh quốc.

Đại đức Raja Siddhimuni nói không riêng gì người thế mà cả nhà sư cũng thường cuốn gói, có vị trốn luôn, có vị đi rồi trở lại. Vị nào muốn trốn mà thiền sư không cho, thì van lơn, hoặc có thái độ không tốt đẹp nói: “Tôi nóng nảy, bực bội khó chịu quá, nếu không cho tôi về, tôi nổi cơn điên lên cho mà coi”.

Tuệ thứ X – Patisankhanāna – Tuệ suy tư – Hành giả khi ngồi cảm thấy như có kim châm nhức tới xương, hoặc như có ai treo đá nặng cả mình, hoặc thấy như thân mình bị cưa từng khúc. Tuệ này ôn lại các tuệ trước, hành giả thọ khổ nhiều và niệm cũng mau mất. Hành giả hết chán nản, trái lại, dù thọ khổ nhiều, hành giả cũng tin tấn hành hoài không muốn nghỉ, cố hành thật sự, không đòi về nhà nữa.

Trạng thái tuệ thứ X rất dễ nhận xét như bị kim châm, thân mình nặng, nóng như bỏ trong lửa, lạnh như ngồi trên nước đá, như có ai lấy cưa cưa bụng, hay ai đóng đinh vào bụng.

Tuệ này phát sanh không lâu rồi diệt, chỉ lối 5 phút là qua rồi.

Tuệ thứ XI – Sankharūpekkhanāna – Tuệ xả hành – Hành giả đến tuệ thứ XI thấy thân thể nhẹ nhàng, tâm cũng nhẹ nhàng. Dù không cố gắng hành giả cảm thấy niệm rất dễ dàng, lúc đi kinh hành cũng như lúc ngồi thiền.

Tuệ thứ XI rất quan trọng, do đó có 6 chi sau đây:

- 1) Hành giả không buồn, không vui, có tâm xả, có trí nhớ theo dõi các điểm đưng ở hai vòng vai.
- 2) Hành giả không vui thích với ngũ uẩn và cũng không còn sợ ngũ uẩn.
- 3) Hành giả không cố gắng, mà niệm dễ dàng như có cố gắng.
- 4) Hành giả có thể đi kinh hành lâu.
- 5) Hành giả khi niệm phòng, xọp, ngồi, đưng thấy rất rõ rệt, lần lần nhỏ, nhỏ, vi tế, không thô như trước.
- 6) Tâm hành giả luôn luôn kháng khí với các điểm đưng trong thân, tâm không phóng túng nữa. Đại đức thiền sư nhấn mạnh rằng khi có đủ 6 chi này, đạo quả mới phát sanh. Nếu không có đủ 6 chi mà nói có đạo quả là giả dối. Trong 6 chi có cái nhanh, cái chậm, có cái dễ thấy, có cái khó thấy vì phát sanh nhanh rồi diệt. Nhứt là cái chi thứ 6 phải cần cho thấy rõ rệt.

Nếu hành giả là người đã có Pháp học (Adhidhamma) thường hay móng tâm (móng là tham) cho nên lâu có kết quả, vì 6 chi trôi sụt, mất nhiều thời giờ, mà đạo quả không phát sanh.

Có 3 trạng thái cần phải biết:

- a) Nếu Tuệ thứ XI yếu, không thể đi đến Niết Bàn.
- b) Nếu Tuệ thứ XI vừa, cũng không đi đến Niết Bàn.
- c) Nếu Tuệ thứ XI mạnh, Hành giả có thể đi đến Niết Bàn. Nói có thể là vì cần phải có Tuệ thứ XII giúp đỡ mới đắc đạo quả được.

TUỆ THỨ XII – Anulomanāna – Tuệ Thuận thứ - Tuệ thứ XI và Tuệ thứ XII còn có tên chung là Tuệ Hưởng về Niết Bàn. Hai Tuệ này quan hệ, vì nó giúp đỡ cho nhau. Đại Đức Thiền Sư thường

nhắc Hành giả niệm cho ngũ căn được thăng bằng, Ngũ Căn là Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn.

Tín căn đi đôi với Tuệ căn. Nếu Đức tín nhiều hơn Trí tuệ thì sanh ra tà kiến, Nếu Tuệ căn nhiều, Tín căn ít, sanh ra hoài nghi.

Tấn căn đi đôi với Định căn. Nếu Tinh tấn nhiều Định ít thì sanh ra phóng tâm. Trái lại Định nhiều mà Tinh tấn ít, sanh ra hôn trầm.

Hành giả cần phải sửa đổi cho Ngũ căn được thăng bằng, như là 4 căn vừa kể trên. Còn Niệm căn là chủ, phải niệm cho nhiều, càng nhiều càng tốt. Niệm là SATI, là Trí nhớ. Niệm, tỷ như người cầm cương của xe 4 ngựa kéo, Tín, Tấn, Định, Tuệ, tỷ như 4 con ngựa kéo xe. Con ngựa nào làm biếng, cho nó 1 roi, con ngựa nào siêng quá, kéo cương bớt lại. Lúc Hành giả đi kinh hành, chú tâm ở chân và niệm, Tinh tấn nhiều hơn, Định ít. Lúc Hành giả ngồi niệm, Định nhiều, Tinh tấn ít. Bởi vật thời gian đi và ngồi phải cho bằng nhau. Nếu đi kinh hành 1 giờ, thì ngồi cũng 1 giờ.

Tuệ thứ XII còn gọi là Tuệ Ôn lại, vì khi hành, Hành giả liên tiếp ôn lại từ Tuệ thứ IV đến Tuệ thứ XI. Đến đây phát sanh Tam thập thất Bồ Đề phận (37 Pháp chứng quả Bồ Đề) là Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo.

Hành giải như người sắp sửa muốn nhảy qua một cái mương. Chạy lui, chạy tới, để lấy trớn. Chạy tới nghĩa là ôn xuôi, là Thuận thứ (anulomā), chạy lui nghĩa là ôn ngược, là Nghịch thứ (Patilomā)

Đến Tuệ thứ XII, Tam tướng phát sanh rõ rệt:

1) Hành giả niệm “Phòng à, Xọp à, Ngồi à, Dựng à”, lần lần nhanh lên, nhanh lên rồi diệt, niệm “mắt à, biết à”, Phòng Xọp trở lại. Đó là vô thường. Hành giả biết lúc niệm diệt ở Phòng, hay ở Xọp. Người này do quả bố thí và trì giới từ kiếp trước nên thấy rõ vô thường.

2) Khi niệm “Phồng à, Xốp à, Ngồi à, Đung à”, hành giả thấy nhẹ dần dần, rồi yếu dần dần; đây không nhanh, chỉ nhẹ nhẹ, rồi yếu dần dần rồi diệt liền. Hành giả biết diệt lúc nào, ở Phồng, ở Xốp, ở Ngồi hay ở Đung, Đây là Vô ngã rõ rệt. Người này có trí tuệ mạnh, người có lưu tâm đến Thiên Minh Sát từ kiếp quá khứ.

3) Hành giả niệm thấy nghẹn nghẹn khó thở, rồi diệt liền. Đó là khổ não. Người này thường quan tâm đến Thiên Chỉ quán ở kiếp quá khứ.

Một trong 3 pháp này cũng đủ rồi. Tùy theo Hành giả, có khi ba Pháp cùng phát sanh một lúc.

Nên chú ý, tam tướng không tách rời nhau. Theo kinh Đức Phật dạy, khi thấy vô thường, thì cũng thấy khổ não, vô ngã. Khi thấy khổ não thì cũng thấy vô thường và vô ngã. Khi thấy vô ngã, thì cũng thấy vô thường và khổ não. Thấy 1 trong Pháp nào cũng gọi là thấy cả 3 Pháp. Nhưng tùy duyên, tùy nghiệp, khiến cho Hành giả chú ý cái nào nhiều hơn thì thấy cái đó rõ rệt hơn 2 cái kia. Thí dụ như chúng ta nhìn vào mặt người nào, chú ý nơi cặp mắt, thì chúng ta thất đôi mắt rõ hơn. Trong khi ắt cũng thấy mũi, miệng vạt nhưng ít rõ hơn.

Thí dụ: Hành giả niệm “Phồng à, Xốp à” rồi nó nhanh lên, đó là vô thường. Khi hết nhanh rồi nó diệt vì Danh Sắc chịu không được phải diệt, đó là khổ não; bắt buộc đừng cho diệt không được là vô ngã.

Từ Tuệ thứ I đến tuệ thứ XII là phàm tuệ.

Từ Tuệ thứ XIII đến Tuệ thứ XVI là Thánh tuệ.

Tuệ thứ XIII – Gotrabhunāna – Tuệ Chuyển tánh, còn gọi là Tuệ “Cắt dòng phàm”. Pháp này hành giả khó biết được. Khi hành giả niệm “Phồng à, Xốp à”, liền đó diệt phược; cảm giác biết diệt ngay ở Phồng hay ở Xốp, không tới một giây đồng hồ, chỉ có một chút bằng sợi tóc, biết nó diệt. Sau khi diệt, mất cảm giác một chút, gọi là Chuyển tánh hay là Gotrabhu. Kế tiếp mất cảm giác một chút nữa, có

diệt phụ, đó là Đạo tuệ (Magganāna). Rồi tiếp theo diệt phụ 2 lần nữa là Quả tuệ (Phalanāna). Tất cả có 17 nấc tâm, thời gian lấy ngón tay gõ cộc là 17 nấc tâm đã dứt. Trong 17 nấc tâm đó, nấc tâm 1 là niệm (Parikama) nấc tâm 2 là cận (Upacāra), nấc tâm 3 là thuận thứ (Anulomā), nấc tâm 4 là chuyển tánh (Gotrabhu), nấc tâm 5 là đạo (Maggā), nấc tâm 6 và 7 là quả (Phala) vân vân. Có một chút xiêu thôi, 17 nấc tâm đem ra thực hành để đến Đạo Quả. Nấc tâm Hữu phần (Bhavanga) phát sanh, hành giả biết mình, từ nghĩ này giờ ta ngủ quên à?.

Chỉ có một chút thôi, Tuệ XIII, XIV, XV phát sanh mà hành giả không biết được. Nếu nói theo Pháp học (Abhidhamma) thì cho rằng biết, nghĩa là biết Niết Bàn, biết Xuất thế hay ngoài thế gian (Lokuttara). Biết cái đó là cái không biết của chúng ta đây. Chúng ta không thể so sánh cái biết thông thường của thế gian với cái biết xuất thế là cảnh Niết Bàn, vì nấc tâm khác nhau.

Hành giả chỉ biết ở Tuệ thứ XII. Đến tuệ XIII, XIV, XV, không biết. Hành giả niệm “Phòng à, Xọa à” diệt phụ hồi nào không biết, giựt mình nghĩ ta buồn ngủ hay sao ? Nảy giờ ta quên niệm? Hành giả từ Tuệ XIII đã vào ranh Niết Bàn đó.

Thí dụ như người đu dây, định nhảy qua bờ bên kia. Khi đặt chân được ở bờ bên kia, khi chân đạp đất là lấy Niết Bàn làm cảnh giới. Nhưng tay còn nắm dây đu, nghĩ là còn cảnh trần. Hành giả biết Niết Bàn một chút thôi, song cũng biết Niết Bàn (chuyển tánh).

Ví như ta làm nước cam xong, lấy muỗng múc một chút nếm thử coi ngọt chưa? Biết ngọt hay chưa là chuyển tánh (Gotrabhu). Khi ra uống nước cam là phần Đạo tuệ (Magganāna), đến khi ta uống như no là phần Quả tuệ (Phalanāna). Kinh Pali viết: Khi đến Niết Bàn, hành giả không thể nói cho ai biết được. Tại sao? Niết Bàn có hình dáng gì không? Không có – Có nhà cửa, cây cối gì không? Không có – có đất, nước, lửa, gió không? Không có – Vật chớ Niết

Bàn là cái gì? Niết Bàn là nơi thanh tịnh tuyệt đối, là nơi diệt Tham, Sân, Si.

Khi tâm Hành giả xuống hữu phần (Bhavanga); thì tuệ giác của hành giả tự biết sự diệt của Danh Sắc như thế nào, biết nơi đó là Niết Bàn.

Tuệ thứ XIV – Magganāna – Đạo tuệ - Đến đây phiền não bị cắt đứt. Hành giả vừa đắc đạo. Trong 8 cái tham (Lobha), diệt hết 4 còn 4; trong 2 cái si, diệt 1 còn 1; (2 sân hận còn y). Đến đây hành giả hết hoài nghi, không còn hoài nghi về tội phước, về thiên đàng, địa ngục, về luân hồi, nhân quả, pháp hoài nghi đến tuệ thứ XIV mới thật dứt. Những người không từng thực hành Minh sát tuệ thì làm sao không hoài nghi? Thật đáng thương hại cho người ấy, chúng ta không nên cãi, dù có muốn sửa chữa cũng không được, vấn đề là phải tự lực, chớ nhờ tha lực không được. Đến tuệ thứ XIV thì tự nhiên hết hoài nghi. Con đường hành trình có đúng hay không, không còn tin ai nữa cả.

Tuệ thứ XV. – Phalañāna – Quả tuệ - Phát sanh trụ 2 tốc lực tâm. Riêng hành giả chỉ biết như sau: Khi niệm “phồng à, xẹp à, ngồi à, đứng à”, nó nhanh lên, nhanh lên rồi diệt phược, hành giả tự nghĩ ta sao vậy, buồn ngủ hay sao? Chỉ bấy nhiêu là xong rồi, hành giả đã đắc quả tuệ. Có Phật ngôn: “Akaliḅo là pháp độ cho đắc quả không chờ ngày giờ, khi nào đắc đạo thì đắc quả không chậm trễ”.

Hành giả lúc diệt như ngủ quên, tự hỏi nãy giờ quên niệm sao? Đạo tuệ và quả tuệ đi liền nhau. Hành giả đắc Tu-đà-hườn quả là Nhập lưu hay Thất lai, khi hết tuổi thọ không còn sợ đi vào 4 đường ác đạo.

Tuệ thứ XVI. – Pacechavekkhañāna – Tuệ kiểm soát phiền não và tuệ Niết bàn. Còn gọi là tuệ nhìn lại, vì hành giả như người bị kẻ nghịch rượt chạy. Chạy một đổi nhìn lại coi kẻ nghịch có theo chẳng? Bởi vậy pháp hành đi nhanh từ tuệ thứ XIII, XIV, XV, đi qua nhanh lắm.

Bậc Thánh nhưn luôn luôn suy xét đạo quả Niết bàn, suy xét phiền não nào đã diệt. Người pháp học hay làm bài toàn trừ để coi trong 12 phiền não là 8 tham, 2 sân, 2 si, cái nào diệt cái nào còn.

Đại đức thiên sư thường bảo hành giả phát nguyện. Phát nguyện không phải để cầu nguyện cho đắc quả. Đây là phát nguyện để kiểm soi các tuệ cũ đã phát sanh, xin cho phát sanh lại, coi có đủ hay không?

Trước hết hành giả nguyện xin cho pháp sanh diệt phát sanh thật nhiều trong 1 giờ, rồi trong nửa giờ, trong 20 phút, trong 10 phút, trong 5 phút. Kế đó hành giả nguyện cho pháp diệt và thanh tịnh phát sanh trong 5 phút, trong 10 phút, 20 phút, nửa giờ, 1 giờ. Diệt và thanh tịnh là pháp mà hành giả khi định, không còn có cảm giác gì đối với cảnh trần bên ngoài, không còn nghe, không còn thấy biết gì hết, hình như ngủ mà không phải ngủ.

Kế đó, hành giả tập pháp thuần thực, nguyện cho diệt và thanh tịnh 1 giờ, 2 giờ, 3 giờ v.v...Hành giả tập hành cho đặng pháp thuần thực là để hưởng hạnh phúc Niết bàn. Hành giả không nên buồn phiền, nếu không có pháp thuần thực. Dù có dù không cũng không quan hệ lắm, vì hành giả đã qua tuệ XIV và tuệ XV rồi, nghĩa là đã đắc đạo quả.

Sau khi giảng xong 16 cái Tuệ của Thiên Minh Sát, Đại Đức Thiên sư khuyên hành giả nên so sánh phần đầu, phần giữa và phần chót, coi có giống như đã hành không, và tự mình biết đã đắc đạo quả chưa “Paccattam veditabbe viññuhi” là Pháp mà các vị thiện trí thức được biết, được thấy tự nơi tâm. Thiên sư không có quyền phán đoán. Chỉ có Đức Phật mới có quyền phán đoán mà thôi.

Sau khi xả, hành giả hành lại kỳ nhì cho phát sanh 15 Tuệ (trừ Tuệ thứ XIII là Tuệ chuyển tánh hay Gotrabhunāna) thì đắc Tu đà hàm quả.

Hành lại kỳ thứ ba, cho đủ 15 Tuệ, Hành giả đắc A-na-hàm quả.

Hành lại kỳ thứ tư, cho đủ 15 Tuệ, Hành giả đắc A-la-hán quả.

Đến đây là chấm dứt lý thuyết Pháp hành Minh Sát Tuệ (Vipassana) tròn đủ 16 Tuệ.

TỨ DIỆU ĐẾ (Arivasacca)

Đại Đức Raja Siddhimuni thuyết tiếp về Tứ Diệu Đế hay Tứ Thánh Đế, là Pháp cao thượng, là sự thật làm cho người phạm trở nên thánh, xa lìa phiền não. Đức Thế Tôn hiệu Buddhò, bởi Ngài giác ngộ lý Tứ Diệu Đế và đem ra giáo hóa chúng sanh cùng biết với.

Khi hành giả hành Minh Sát Tuệ, mỗi câu niệm đều có Tứ diệu đế phát sanh. Hành giả nên phân biệt 2 phần: Phần phạm đế và phần thánh đế. Từ Tuệ I đến Tuệ XII, là phạm đế. Từ tứ Tuệ XIII đến Tuệ XVI là thánh đế.

Theo Pháp học, cần giải thích lâu dài Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Thuyết hằng giờ chưa hết. Theo Pháp hành khi hành giả niệm “Phồng à”, bụng của hành giả khởi sự phồng lên là Tập đế (Samudaya). Trong kinh Pali Tam tạng Patisambhidāmagga có ghi: Sanh là sự phát khởi của Danh Sắc là Tập (Samudaya). Trạng thái của Danh Sắc sanh lên rồi chịu không nổi là Khổ (Dukkha). Tại sao chịu không nổi? Vì có sanh, do có sanh là nhân, nên có khổ là quả. Trạng thái Phồng sanh lên, chịu không nổi là khổ (Dukkhar) phải Diệt (Nirodha). Tâm Hành giả niệm biết từ khi khởi Phồng cho đến khi Phồng hết nổi phải Xọp, là con đường tử sanh đến diệt là Đạo (Magga). Bốn pháp Tập, Khổ, Diệt, Đạo, đều đồng nhưt, hiệp nhưt, nghĩa là 4 pháp đồng sanh một lượt và mất một lượt. Pháp hành khác hơn Pháp học là chỗ đó. Muốn cho dễ hiểu, Đại Đức thiên sư nêu ra một thí dụ:

Đây là cây nến (đèn cây), tôi lấy diêm quẹt đốt lên. Bốn hiện tượng phát sanh cùng một lúc: Ánh sáng phát sanh, bóng tối tan mất, đồng thời, sáp cháy, tim cũng lụn. Bốn cái này đồng một lượt, không trước (apubbam) không sau (acariyam) như thế nào, Tứ diệu đế cũng như thế ấy. Không phải như pháp học kể cái này Khổ, rồi tới cái này Tập, tới cái này Diệt, sau cùng cái này Đạo, Pháp hành thì trong một khác là đạo quả hoàn toàn.

Tích có vị Sadi 7 tuổi, đang ngồi cạo đầu. Vừa cạo, Sadi biết đau, tâm quán tưởng, rắc quả Alahan liền. Nhanh như thế. Như Đại Đức Ananda vừa đặt mình lên giường, niệm “ngồi à, ngồi à, nghiêng à, nghiêng à”. Mình vừa ngã xuống, đầu chưa đụng gối, rắc quả A la hán liền. Nhanh như vậy. Chỉ trong nháy mắt mà diệt tận phiền não. Đó là hành đúng. Còn hành sai thì không bao giờ kết quả.

THANH TỊNH ĐẠO (Visuddhi magga)

Đại Đức Thiên Sư Raja Siddhimuni thuyết tiếp về Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi magga)

Hành giả hành Minh Sát Tuệ là tìm đường giải thoát là Niết Bàn. Pháp đi đến Niết Bàn rất khó, vì phải hành chân chánh, phải có phương pháp chơn chánh mới đi đến Niết Bàn. Phương pháp chơn chánh là 16 Tuệ Minh Sát và 7 Thanh tịnh pháp, đó là con đường duy nhất đi đến Niết Bàn.

Thanh tịnh (Visuddhi) là trong sạch. Trong lúc hành giả hành Minh Sát Tuệ, trong đó đều có đủ 7 pháp Thanh tịnh. Thảo luận về đường đi Niết Bàn, Đại Đức Xá Lợi Phất nói: Người đi Niết Bàn phải sang xe 7 chặng, nghĩa là lên xe này đi qua một khúc đường, rồi xuống sang xe khác đi một chặng nữa, như thế hết 7 chặng thì tới Niết-bàn. Hành giả, Hành Minh Sát Tuệ cũng phải có 7 pháp Thanh tịnh như sau đây:

Thanh tịnh thứ I – Silavisuddhi- giới thanh tịnh. Khi Hành giả đi kinh hành niệm “mặt bước à, trái bước à” hoặc khi ngồi niệm “Phòng à, Xọp à”, thân tâm của Hành giả đều tịnh, tư tưởng đều trong sạch, đó là giới thanh tịnh.

Thanh tịnh thứ II – Cittavisuddhi – Tâm thanh tịnh. Tâm của hành giả trụ ở “Phòng à, Xọp à”, hoặc ở bàn chân “mặt bước à, trái bước à”, đó là tâm thanh tịnh.

Thanh tịnh thứ III – Ditthivisuddhi – kiến thanh tịnh. Đây thuộc về Tuệ thứ I, Hành giả biết phân tách Danh Sắc, nghĩa là thấy rõ ràng Phòng Xọp. Thân cử động là Sắc. Biết sự cử động là Danh. Đó là thấy trong sạch.

Thanh tịnh thứ IV – Kankhavitranavisuddhi – Đoạn hoại nghi thanh tịnh. Pháp này đã áp dụng trong Tuệ thứ II, là Tuệ phân tách Nhân quả, đoạn tuyệt hoại nghi. Đó là đoạn hoại nghi thanh tịnh

Thanh tịnh thứ V – Magga Magganānadassanavisuddhi – Tuệ kiến đạo chánh tà thanh tịnh. Đây là Pháp thanh tịnh thứ V, thuộc về Tuệ thứ III của Minh sát. Tuệ mạnh thấy 10 vi tế phiền não, cho rằng không phải chánh đạo, niệm cho mất đi, đó là con đường chánh. Nếu ai còn mê lầm muốn thấy tiên nữ, thiên đàng và các cảnh khác, đó là tà đạo (Amagga).

Thanh tịnh thứ VI – Patipadanānadassanavisuddhi - Tuệ kiến chánh đạo thực hành thanh tịnh. Thanh tịnh thứ VI này áp dụng trong Minh Sát là từ tuệ thứ IV cho đến tuệ thứ XII (tất cả 9 Tuệ Minh Sát). Đây là thực hành trong sạch chánh đạo với một phương pháp chơn chánh. Nếu thuyết tóm tắt là thuyết 7 Pháp thanh tịnh, còn thuyết rộng là thuyết 16 Tuệ. Ấy vậy, Minh Sát Tuệ và Thanh Tịnh Đạo là một chớ không khác nhau.

Thanh tịnh thứ VII – Ñānadassanavisuddhi – Tuệ Kiến Đạo tuệ thanh tịnh. Có sự hiểu biết trong sạch, thuộc về đạo tuệ thứ XIV (Maggāñāna).

Như vậy, hành giả thấy rằng thanh tịnh pháp từ I đến VI đã áp dụng trong Minh Sát từ Tuệ I đến Tuệ XII. Thanh tịnh thứ VII thuộc về Tuệ thứ XIV.

Tuệ Minh Sát thứ XIII (chuyển tánh hay Gotrabhuñāna) ở khoảng giữa thanh tịnh VI và VII, nghĩa là khoảng chuyển phàm qua thánh. Nói là phàm cũng không phải, nói là Thánh cũng không phải. Cũng như người bước vào ngưỡng cửa, 1 chân ở bên ngoài, 1 chân ở bên trong, nói rằng người ấy ở ngoài nhà cũng không phải, mà nói người ấy trong nhà cũng không đúng. Cũng như Gotrabhunāna vậy.

PHIÊN NÃO (Kilese)

Tiếp theo đây Đại Đức Thiên Sư Raja Siddhimuni thuyết về 12 phiên não (Kilesa) là 8 tham, 2 sân, 2 si.

Phiên não này còn gọi là tam độc: Tham lam, Sân hận, Si mê.

Đại Đức giảng rằng hành thiền là thiêu đốt. Thiêu đốt phiên não, để đi để diệt khổ. Trong Tứ diệu đế, Đức Phật có dạy: Khổ - Tập - Diệt - Đạo.

Tập là nguồn gốc cái khổ. Nguồn gốc ấy là ái dục, là tam độc. Khi hành giả thiêu đốt hết phiên não thì diệt được khổ, con đường Đạo Quả không xa.

Hành giả hành Minh Sát Tuệ tuân tự diệt các phiên não như thế nào? Diệt được bao nhiêu?

Khi hành đến Tuệ thứ XIV là Đạo tuệ (Magganāna), hành giả đã diệt được 4 tham, 1 si. Bốn tham đã diệt được là:

1) Tham có sự vui thích, cho rằng không tội, và tự mình làm lấy. Thí dụ ăn cắp một vật chỉ, vui thích, cho rằng không tội, và tự mình ăn cắp. Theo Pháp học thì nói rằng tham thọ hỉ, thọ tà, không trợ.

2) Tham có sự vui thích, do bạn bè rủ mới làm, và ăn cắp cũng cho rằng không tốt. Theo pháp học thì nói: tham họ hi, hợp tà, có trợ.

3) Tham có sự xấu, tự mình làm và cho rằng không tội. Thí dụ ăn hối lộ quen rồi, có tâm xấu, tự mình thu tiền hối lộ. Theo Pháp học thì nói tham thọ xấu, hợp tà, không trợ.

4) Tham có sự xấu, có bạn bè rủ mới làm, và cho rằng không tội. Thí dụ ăn hối lộ, mà có người trung gian giúp cho hối lộ. Theo Pháp học thì nói tham thọ xấu, hợp tà, có trợ.

Về phiền não Si (Moha), hành giả diệt được Si hoài nghi. Còn Si phóng dật, chưa diệt.

Đến bậc Tu-đà-hườn mà diệt có 5 trong 12 phiền não. Bậc Tu-đà-hườn đã cắt đứt ba dây trói buộc (thăng thức) là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ.

a) Thân kiến là chấp ta, hay ngã chấp. Tuệ thứ XII, đã thấp rõ vô thường, khổ não, vô ngã, không còn chấp ta.

b) Bậc Tu-đà-hườn không còn hoài nghi, vì Tuệ XIV, với sự diệt Si hoài nghi, tự nhiên hết hoài nghi.

c) Giới cấm thủ là chấp nghi lễ cúng tế tà đạo. Tuệ thứ III trong 10 vi tế phiền não, hành giả đã bỏ tà theo chánh.

Bậc Tu-đà-hườn là Nhập lưu hay Thất lai, nghĩ là còn 7 kiếp, trước khi nhập Niết Bàn.

Bậc Tu-đà-hườn hành tiếp 15 Tuệ của Minh Sát (trừ Tuệ XIII – Gotrabhu), nghĩa là thấy Niết Bàn và Tứ diệu đế lần thứ 2, đắc Tu-đà-hàm quả, hay Nhứt lai, nghĩa là còn trở lại 1 kiếp, trước khi nhập Niết Bàn. Trong 12 phiền não, bậc Tu-đà-hàm cũng diệt được 5, như Tu-đà-hườn, còn lại 7 phiền não. Song 7 phiền não này còn vi tế, không phải thô tục như của phạm nhân.

Bậc Tu-đà-hàm hành tiếp 15 Tuệ của Minh Sát, nghĩa là thấy Niết Bàn và Tứ diệu đế lần thứ 3, đắc A na hàm quả, hay Bất lai,

nghĩa là không trở lại nữa. Bạc A-na- hàm khi hết tuổi thọ, sanh về cõi trời Vô phiến nhiên, hoàn toàn thanh tịnh để rồi hưởng hết tuổi thọ và nhập thẳng Niết Bàn. Bạc A-na-hàm diệt thêm 2 phiến não là 2 sân. Còn lại 4 tham và 1 si.

Bạc A-na-hàm hành tiếp 15 Tuệ của Minh Sát, nghĩa là thấy Tứ diệu đế và Niết Bàn lần thứ 4 đặc A-la-hán quả là bậc cao nhất trong 4 quả thánh. Bạc A-la-hán đã cắt đứt 5 thăng thức còn lại, là ái cảnh sắc, ái cảnh vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vô minh. Bạc A-la-hán không còn tạo nghiệp. Hàng cư sĩ mà hành đến đây phải có đời sống độc thân, nghĩa là phải xuất gia.

Bạc A-la hán không còn tái sanh nữa. Ngài đặc quả Thánh cao nhất, là hữu vi Niết Bàn. Ngài có đời sống làm gương cho chúng sanh, chờ hết tuổi thọ là nhập Niết Bàn.

Sau đây là bảng phiến não của bậc Thánh nhơn.

| Quả thánh | 8 tham (lobha) | 2 sân (dosa) | 2 si (moha) | Còn lại |
|------------|-----------------|--------------|-------------|---------|
| Tu đà hườn | ⊖ ⊖00 ⊖ ⊖00 | 00 | ⊖0 | 7 |
| Tư đà hàm | ⊖ ⊖00 ⊖ ⊖00 | 00 | ⊖0 | 7 |
| A na hàm | ⊖ ⊖00 ⊖ ⊖00 | ⊖ ⊖ | ⊖0 | 5 |
| A la hán | ⊖ ⊖ ⊖ ⊖ ⊖ ⊖ ⊖ ⊖ | ⊖ ⊖ | ⊖ ⊖ | Hết |

BẠC TU-ĐÀ-HUỒN (Sotāpanana)

Khi hành giả hành xong 16 tuệ của Thiên Minh Sát và sau khi nghe đại đức thiên sư thuyết pháp tự biết mình đã đặc quả Tu-đà-hườn. Chúng ta có bằng chứng gì để biết người này là bậc Tu-đà-hườn thật.

Đức Phật, trong kinh Maha Parinibbana Sutta, có chỉ dạy 4 điều làm nền tảng để chúng ta dựa nơi đó mà biết được một Hành giả đã đặc Tu-đà-hườn thật.

ĐIỀU THỨ NHẤT. Nếu hành giả đắc thật thì có sự trong sạch đối với Đức Phật, không bao giờ rung động. Người tin rằng Đức Phật có thật, Đức Phật dạy sự thật. Những pháp của Đức Phật để lại, nếu hành theo sẽ được sự an vui và được giải thoát thật. Hành giả không còn tin theo tà ma ngoại đạo nữa, Đó gọi là trong sạch với Đức Phật.

(xin lỗi sách bị thiếu mất 2 trang)

2) Thánh Tăng gồm bậc xuất gia và tại gia đã thực hành pháp minh sát, diệt được phiền não, đã đắc quả đến A-la-hán quả.

Bậc Tu-đà-hườn luôn luôn trong sạch, đối với Tăng không bao giờ lay chuyển.

Xưa kia, ông bá hộ Cấp cô độc, là bậc Tu-đà-hườn bồ thí, cúng dường đến Đức Phật và Chư tăng mỗi ngày 500 vị, bậc bá hộ mà ông bồ thí cho đến hết tiền của trong kho. Sự bồ thí chỉ còn nước dưa giã và cơm tấm, nhưng ông vẫn trong sạch, không ngừng nghỉ. Vị chư thiên ngự tại cửa ngõ của ông bá hộ, nửa đêm hiện ra yêu cầu ông bá hộ thôi đừng bồ thí cùng dường nữa. Ông bá hộ hỏi : Người là ai? Tôi là Chư thiên ngự tại cửa ngõ. Người ăn nhờ ở đậu nơi nhà tôi mà không khuyên nhủ tôi làm lành, lại còn cản trở việc thiện của tôi, vậy người phải ra khỏi cửa của tôi, không cho ở nữa. Ông chư thiên khuyên không được lại còn bị mất chỗ ở. Đây để quý vị thấy rằng bậc thánh nhơn, không bao giờ rời bỏ Tam Bảo, dù ở trong trường hợp nào.

ĐIỀU THỨ TƯ – bậc Tu đà hườn luôn luôn có giới đức trong sạch. Nếu người xuất gia thì giữ theo giới hạnh của mình là Tứ thanh tịnh giới và 227 điều học. Bậc tại gia thì không khi nào phạm đến ngũ giới, như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Cho đến cờ bạc, nha phiến cũng không bao giờ rờ mó đến. Dù có ai đem tiền ngàn, bạc vạn đến quyến rũ, cũng không làm điều quấy, nghĩa là không có tác ý phạm giới. Ngũ giới, bát giới, thập giới hay Tứ thanh tịnh giới của mỗi bậc để giữ gìn trong sạch.

Bậc tu đà hườn luôn thường trụ trong giới đức.

Đây là sự thí nghiệm mà Đức Phật dạy 4 điều: là có sự trong sạch, không bao giờ rung động đối với Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng và giới đức. Nếu còn rung động, đổi thay thì không phải là thánh nhơn. Đó là lời di giáo trong bộ kinh Maha Parinibbanasutta, Tam tạng quyển 7 rằng: “Này Ananda, người nào đã hành minh sát tuệ rồi, có những đức ránh kể trên, người ấy có thể tuyên đoán rằng mình đã đắc tu đà hườn rồi, mình đã có pháp không sa đọa, mình đã thoát khỏi 4 đường ác đạo”. Vậy quý vị Thánh giả nào đã hành xong thiền minh sát, nêu suy xét xem mình có đủ các đức tánh kể trên không?

ĐÔI LỜI KHUYÊN BẢO

Sau rốt đại đức thiên sư Raja Siddhimuni có 10 điều khuyên bảo quý vị hành giả sau khi ra hạ, về nhà hoặc về chùa, nên ghi nhớ:

1. Hành giả hành xong, chẳng nên khoe khoan với tất cả mọi người dù là với người thân mật. Đức Phật đã có cấm hẳn sự khoe khoan đó. Nếu vị Tỷ khuru chưa đắc mà khoe khoan thì phạm bất công trụ; khi chỉ dạy, nhắc nhở cho nhau, thì không phải là sự khoe khoan Pháp cao nhơn.

2. Hành giả khi trở về nhà sẽ có nhưng hạng người đến chất cần hoặc để bắt bẻ chê bai, hoặc để chọc tức, hoặc để học lóm.

a) Hạng người chất vấn đề bắt bẻ chê bai không ít. Hành giả phần đông là những vị không có pháp học (Abhidhamma) nên dễ bị bắt bí, không trả lời được các câu hỏi về pháp học. Dù bậc A la hán mà kém Pháp học cũng không thể trả lời theo Pháp học được.

Tích vua Milaṅḍā, sau Phật thời, chất vấn chư Thánh tăng, có đến 2 môn, mà không ai trả lời được. Các Ngài đành phải lánh mặt vào rừng tập hợp. Các ngài chọn một vị có thần thông, lên cung trời đạo lợi mời Na Tiên để sau này đối chất với vui Milaṅḍā. Tiền kiếp của Na Tiên là một vị tỷ khuru và tiền kiếp của vui Milaṅḍā là một vị

Sadi cùng ở chung trong một chùa. Ngày nọ, tỳ khuru Na tiên quét rác trong chùa xong, bảo Sadi hốt đi đổ xuống sông. Bao lần thứ nhất, Sadi làm thỉnh không đi. Bao lần thứ hai, Sadi cũng ngồi ì, không nhúc nhích. Bao lần thứ ba, sadi Milaṅḍā già dò không nghe. Tỳ khuru Na Tiên quát cho một roi đau điếu. Sadi Milaṅḍā mới chịu đi lấy giỏ hốt rác, vừa đi vừa khóc, đem xuống sông đổ. Nhìn thấy rác bị sóng đánh, trôi dạt vào bờ, sadi liền phát nguyện: “Công đức đổ rác này, kiếp sau xin cho tôi có trí tuệ như lượng vậy”. Biết là sadi có ý chống đối mình, tỳ khuru Na Tiên bèn nghĩ rằng: “Nhờ ta quét, Sadi mới có rác để đổ, như vậy ta có phước nhiều hơn”. Tỳ khuru Na Tiên liền phát nguyện: “Xin cho tôi kiếp sau có trí tuệ như bờ sông, có thể ngăn chặn được lượng sóng vậy!”

Sadi sau sanh lại là vua Milaṅḍā, còn Tỳ khuru sanh về cõi Trời Đạo Lợi làm Chư Thiên, do đó các vị Thánh tăng mới cho đi thỉnh xuống cõi trần để sau này đối đáp với vua Milaṅḍā. Một vị Thánh tăng, vì vắng mặt trong buổi hội, nên bị phạt phải lãnh nuôi và tế độ cậu bé Na Tiên 7 năm 7 tháng 7 ngày rồi cho xuất gia Sadi. Sau đó sadi Na tiên học suốt thông Tam tạng, hành đến đắc Đạo quả và chống chọi thông suốt những lời chất vấn của vua Milaṅḍā được.

Quý vị thấy chưa? A-la- hán đến 2 muôn mà còn bị bí, khi vua Milaṅḍā là một học giả phàm nhơn chất vấn. Chúng ta không có Pháp học thì dễ bị bí lắm.

b) Có hạng người học để chọc tức chơi. Vì ra đã có hành rồi, họ thử coi sao. Đôi khi chồng hành, vợ không hành, có xảy ra việc xích mích, chồng giận, vợ hỏi: “Sao anh có hành rồi mà còn sân?” đôi khi còn móc moi tới vị thiền sư là khác “Thầy anh dạy anh vậy phải không?”, vì vậy hành giả nên cẩn thận, phải dè dặt và nhẫn nại cho nhiều.

c) Có hạng người hỏi để học lóm. Người bạn hỏi: Anh hành tới phát nguyện phải không? Phải – tới bậc nào? – đến chỗ thanh tịnh rồi gục. Người bạn về nhà, tìm chỗ thanh vắng, ngồi hành, buồn

ngủ cũng gục, tưởng mình đã được như bạn. Đó là học được cái giả, được đồ giả, mà làm tướng là thiệt.

3. Hành giả nên thật tâm cố gắng truyền bá chân lý của Đức Phật cho được phổ biến sâu rộng, khắp đó đây, vì ta đã có nếm được ít nhiều hương vị của chân lý rồi. “Tự giác, giác tha,” là như thế. Dem giáo lý của đức phật truyền bá cho nhiều người cùng biết, là cúng dường đến đức phật, một cách cúng dường cao thượng.

4. Nên hướng dẫn thân nhân, cùng quyến thuộc, nhưt là bậc hữu ân của chúng ta, như cha mẹ, thầy tổ, tiến bước trên đường giải thoát. Đó là bảo ân về tinh thần, quý báu hơn bảo ân về vật chất. Món ăn quý báu nhất à người con có hiếu dâng đến cha mẹ, lúc còn sanh tiền, là món ăn “giải thoát”.

5. Nên có sự đoàn giữa những hành giả cùng sống chung ở một Thiên đường. Anh em cùng một đạo, như con một nhà. Có gì thắc mắc, nên chỉ bảo nhau.

6. Có người làm tướng khi hành xong pháp minh sát thì không còn làm việc phước thiện nữa. Nghĩ như thế là sai. Chúng ta nên tiếp tục làm việc phước thiện, như bố thí gieo duyên với chúng sanh, là vung bồi thêm đạo hạnh. Càng bố thí bao nhiêu, thì phước báo càng nhiều bấy nhiêu.

7. Phải diệt trừ tứ đồ tưởng. Cờ bạc, hút á phiện là những phiền não làm cho hành giả thối hóa thay vì tiến hóa.

8. Không nên chỉ trích người khác hay thiên đường khác. Lệ thường không ai muốn nghe chỉ trích. Nếu mình hỏi người khác hành sai, người đó cũng có thể nói mình hành sai vậy. Chỉ trích là mình gây thêm mối oán thù, ganh ghét. Chỉ trích là mình hạ phẩm giá mình và hạ luôn phẩm giá thầy tổ mình.

9. Dù hành chưa xong, hành giả chớ nghĩ sai lầm rằng hành không được gì cả. Trước kia, không biết cách niệm, cách đi kinh hành, cách ngồi. Bây giờ biết hết. Trước kia không rõ tứ niệm xứ là gì? Bây giờ hiểu rõ, và mỗi tuần đều được nghe thiên sư nhắc nhở. Trước kia chưa biết phi lạc là gì, bây giờ hành ít hôm là có phi lạc phát sanh. Thay vì ôm giữ như của quý, Thiên Sư dặn phải niệm cho

mất. Nếu nói rằng hành trong 3 tháng hạ mà không có gì là không đúng.

10. Hành giả cố gắng gìn giữ phạm hạnh. Xã hội không phải có một mình mình, mà còn phải sống chung chạ với nhiều người; mọi người đều phải có sự nương nhờ, tương trợ lẫn nhau. Vì vậy hành giả phải bảo vệ danh giá của cá nhân, của đoàn thể, thầy tổ và thiên đường.

Về chùa, hoặc về nhà, hành giả không nên viện cớ gì mà thói chuyển không tiếp tục hành thêm cho có nhiều kết quả, cho đến nơi giải thoát.

Chúng ta nên noi gương vua Mahānāma. Ngài là một vị vua, hành minh sát tuệ đắc quả tu-đà hườn, nhưng lúc nào Ngài cũng không để duôi, luôn luôn thực hành Pháp của mình.

Thời pháp đến đây vừa phải lẽ. Xin chúc Quý vị Thánh giả và Hành giả thân tâm nhân lạc, hầu mạnh tiến đến bờ giác ngạn như ý nguyện.

Hiện nay ở Phước Tuệ Tịnh món này, do sự trình bày về lý thuyết pháp hành Minh Sát Tuệ, tôi xin hồi hướng phước báu đến tất cả Chư Thiên và Phạm thiên trong sa bà thế giới mong nhờ Chư Thiên và Phạm Thiên hộ trì quý vị thánh giả và hành giả tu hành tinh tấn và được nhiều hạnh phúc. Tôi xin hồi hướng phước báu đến ông bà đóc Nguyên Văn Hiếu, Chánh Hội Trưởng Hội Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam, cùng các cô cậu và gia quyến được nhiều hạnh phúc an vui, tu hành tinh tấn.

Tôi xin hồi hướng phước báu đến Ma vương, Atula, Súc sanh và chúng sanh có oan trái cũng không oan trái ở chung quanh Phước Tuệ Tịnh môn được thọ lãnh phước báu do sự trình bày Pháp hành Minh Sát và được thuộc sanh nơi miền an vui cực lạc.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Cư Sĩ Trương Văn Huấn.